

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
TP. Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/ST-DS

Ngày: 12-7-2023

V/v: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N
THÀNH PHỐ Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Công Hoan**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**
Ông **Huỳnh Bá Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, TP. Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thái Bình**
– Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N Tp Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST- DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Cao Xuân V** – Sinh năm 1970;
Địa chỉ: Tổ 64 phường H, quận N, TP Đ – Có mặt.

Bị đơn: Ông **Cao Văn H** - Sinh năm 1958;
Địa chỉ: Tổ 30 phường H, quận N, TP Đ – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Hồ Thị Nh** - Sinh năm: 1934;
Địa chỉ: Tổ 30, phường H, quận N, TP Đ – Vắng mặt.

2. Bà **Cao Thị Hồng V** - Sinh năm 1969;
Địa chỉ: Ấp 3, xã H, TP B, tỉnh Bà- Vắng mặt.

3. Ông **Cao Xuân T** - Sinh năm 1972;
Địa chỉ: Tổ 64 phường H, quận N, TP Đ - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2022, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Cao Xuân V trình bày:

Cha mẹ tôi là ông Cao Xuân S (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị Kim O (chết năm 2022). Trước đây, cha tôi có vợ là bà Hồ Thị Nh, sinh năm 1934 sinh được một người con là Cao Văn H, Su đó cha tôi lấy mẹ tôi sinh được 03 người con là Cao Thị Hồng V, Cao Xuân T, Cao Xuân H.

Cha mẹ tôi (Cao Xuân S và Nguyễn Thị Kim O) mất đi không để lại di chúc. Trước đây, cha mẹ tôi có nhà và đất tại phường H, quận N, Su đó nhà nước thu hồi, giải tỏa và đền bù cho nhà tôi 02 lô đất. Gia đình tôi đã thống nhất ủy quyền cho tôi là đại diện cho các đồng thừa kế đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể:

Lô đất thứ nhất: Lô 43B- B2-22, Khu tái định cư Bá Tùng, tại thửa số 388, tờ bản đồ 126, diện tích 100m² tại phường H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 913485 do UBND quận N cấp ngày 12/5/2002 mang tên Cao Xuân V.

Lô đất thứ hai: : Lô 43A- B2-22, Khu tái định cư Bá Tùng, tại thửa số 162, tờ bản đồ 126, diện tích 100m² tại phường H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 913486 do UBND quận N cấp ngày 12/5/2002 mang tên Cao Xuân V.

Ngoài ra, trước đây ông bà nội tôi là Cao B và Huỳnh Thị D mất đi có để lại tài sản gồm nhà và đất tại tổ 02 khuê Đông, phường H, Su đó gia đình tôi đã làm văn bản thỏa thuận thừa kế giao lại toàn bộ tài sản cho bà Hồ Thị Nh và ông Cao Văn H toàn quyền quản lý sử dụng. Đến nay chúng tôi đã đồng ý ký các văn bản để ông Cao Văn H làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đứng tên ông Cao Văn H. Thực ra chúng tôi đã có ý thỏa thuận (không lập thành văn bản) là chúng tôi từ chối nhận tài sản của cha mẹ để lại. Nhưng Su đó bà Nh và ông H đòi ý muốn được chia di sản thừa kế của cha mẹ tôi để lại.

Nên vào ngày 20/5/2022 bà Hồ Thị Nh, ông Cao Văn H và tôi có làm giấy thỏa thuận về việc: Bà Nh và ông H nhận khoản tiền là 900.000.000đ nhưng đến nay bà Nh và ông H không chấp nhận nữa.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân quận N, TP Đ thực hiện việc phân chia di sản thừa kế là 02 lô đất nói trên của cha mẹ là 02 lô đất lô 43B-B2-22 và lô 43A-B2-22 của ông Cao Xuân S (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị Kim O (chết năm 2002) để lại theo quy định của pháp luật và xem xét công sức trông nom, quản lý của tôi.

Đối với số tiền đền bù giải tỏa, tôi là người đại diện ủy quyền được nhận là 209.208.350đ, nhưng tôi đã nộp tiền đất và thuế trước bạ cho 02 thửa đất số 162 và 388 tổng cộng 202.440.000đ còn lại 6.768.000đ. Số tiền này chi phí cho việc đi lại nên không tính vào di sản của cha mẹ tôi.

Về kết quả định giá thửa đất số 388, tờ bản đồ số 126, lô 43B-B2-22, khu tái định cư Bá Tùng (giai đoạn 1), phường H, quận N, TP Đ có giá trị là 2.370.122.300đ và thửa đất số 162, tờ bản đồ số 126, lô 43A-B2-22, khu tái định cư Bá Tùng (giai đoạn 1), phường H, quận N, TP Đ có giá trị là 2.393.823.500đ. Tổng cộng 4.763.945.800đ. Tôi thống nhất giá trị của hai lô đất theo kết quả thẩm định giá.

Bị đơn ông Cao Văn H trình bày: Tài sản đang tranh chấp là đất tái định cư của khu đất mà cha tôi là ông Cao Xuân S (đã mất) xin UBND xã Hòa Quý để làm nhà, cơ sở chăn nuôi và sản xuất thức ăn gia súc từ năm 1994.

Những người đồng thừa kế theo pháp luật của hai tài sản trên, thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm có:

- Ông bà Nội, ông bà Ngoại: đã mất Cha tôi (ông Cao Xuân S), Dì tôi (Vợ thứ 2 của cha tôi là bà Nguyễn thị Kim O): đã mất - Mẹ tôi (vợ thứ nhất của cha tôi) là bà Hồ thị Nh - Các con của ông với hai bà:

1. Ông: Cao Văn H . SN: 1958.

Địa chỉ: 345 Cao Hồng Lãnh, Hòa Quý, N, Đ

2. Bà: Cao Thị Hồng V SN: 1969

Địa chỉ: Ấp 3, Xã Hòa Long, Thành phố Bà Rịa – Tỉnh Bà Rịa - Vng Tàu

3. Ông: Cao Xuân V SN: 1970.

Địa chỉ: Tổ 64 , Hòa Quý, N, Đ.

4. Ông: Cao Xuân T SN: 1972.

Địa chỉ: Tổ 64 , Hòa Quý, N, Đ.

Căn cứ vào những người còn sống hiện nay thì những người được phân chia tài sản gồm có các ông bà Su: Bà Hồ Thị Nh, Ông Cao Văn H, Bà Cao Thị Hồng V, Ông Cao Xuân V, Ông Cao Xuân T

Theo sổ Hộ khẩu gia đình số 2008, chủ hộ là ông Cao Xuân S và khi ba tôi mất thì thay ông Cao Xuân V làm chủ hộ, trong sổ hộ khẩu không có tên bà Nguyễn Thị Kim O, bà cũng như mẹ tôi đều ở riêng và có hộ khẩu ở nơi khác.

Về kết quả định giá thửa đất số 388, tờ bản đồ số 126, lô 43B-B2-22, khu tái định cư Bá Tùng, phường H, quận N, TP Đ có giá trị là 2.370.122.300đ và thửa đất số 162, tờ bản đồ số 126, lô 43A-B2-22, khu tái định cư Bá Tùng, phường H, quận N, TP Đ có giá trị là 2.393.823.500đ. Tổng cộng 4.763.945.800đ. Tôi thống nhất giá trị của hai lô đất theo kết quả thẩm định giá.

Tôi đề nghị Tòa án thực hiện việc phân chia di sản thừa kế là 02 lô đất là: 02 lô đất lô 43B-B2-22 và lô 43A-B2-22 theo quy định của pháp luật và cũng phải xem xét công sức trông nom, quản lý của tôi (các chứng cứ nguồn gốc đất và công sức đóng góp đã gửi cho Tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Xuân T thống nhất theo ý kiến của ông Cao Xuân V. Đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật. Về kết quả định giá thửa đất số 388, tờ bản đồ số 126, lô 43B-B2-22, khu tái định cư Bá Tùng, phường H, quận N, TP Đ có giá trị là 2.370.122.300đ và thửa đất số 162, tờ bản đồ số 126, lô 43A-B2-22, khu tái định cư Bá Tùng, phường H, quận N, TP Đ có giá trị là 2.393.823.500đ. Tổng cộng 4.763.945.800đ. Ông Cao Xuân T thống nhất giá trị của hai lô đất theo kết quả thẩm định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị Hồng V có văn bản trình bày: Tôi đồng ý tặng cho Cao Xuân V toàn bộ phần di sản thừa kế mà tôi được phân chia của cha mẹ là ông Cao Xuân S chết năm 2007 và bà Nguyễn Thị Kim O chết năm 2002 để lại theo quy định của pháp luật, gồm:

Lô đất thứ nhất: Lô 43B- B2-22, Khu tái định cư Bá Tùng, tại thửa số 388, tờ bản đồ 126, diện tích 100m² tại phường H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 913485 do UBND quận N cấp ngày 12/5/2002 mang tên Cao Xuân V.

Lô đất thứ hai: : Lô 43A- B2-22, Khu tái định cư Bá Tùng, tại thửa số 162, tờ bản đồ 126, diện tích 100m² tại phường H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 913486 do UBND quận N cấp ngày 12/5/2002 mang tên Cao Xuân V.

Tôi đề nghị TAND quận N, TP Đ chấp thuận cho tôi được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên tòa các cấp để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và chấp nhận việc tôi ủy quyền cho ông Cao Xuân V được đại diện cho tôi thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về người tham gia tố tụng: Cơ bản, đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của ông Cao Xuân S và bà Nguyễn Thị Kim O là thửa đất số 388, tờ bản đồ số 126, lô 43B-B2-22, khu tái định cư Bá Tùng, phường H, quận N, TP Đ có giá trị là 2.370.122.300đ và thửa đất số 162, tờ bản đồ số 126, lô 43A-B2-22, khu tái định cư Bá Tùng, phường H, quận N, TP Đ có giá trị là 2.393.823.500đ. Tổng cộng 4.763.945.800đ.

Cách chia như Su: Chia đôi phần giá trị tài sản tổng cộng 4.763.945.800đ cho ông S và bà O.

- Chia phần tài sản của ông S cho các đồng thừa kế: Bà Nh, ông H, bà O, bà V, ông V, ông T.
- Chia phần tài sản của bà O cho các đồng thừa kế là bà V, ông H và ông T.
- Đề nghị HĐXX giao tài sản là 02 lô đất cho ông Cao Xuân V quản lý sử dụng và thời trả giá trị tài sản chênh lệch cho các đồng thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu giải quyết vụ án: Ông Cao Xuân S (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị Kim O (mất năm 2022) không để lại di chúc, năm 2022 ông Cao Xuân V khởi kiện chia di sản thừa kế là còn trong thời hiệu yêu cầu giải quyết chia thừa kế.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các lời khai của các bên đương sự, Tòa án có cơ sở xác định:

Ông Cao Xuân S và bà Hồ Thị Nh có người con chung là ông Cao Văn H, Su đó ông tập kết ra Bắc vào năm 1954 và có quan hệ hôn nhân thực tế với bà Nguyễn Thị Kim O, sinh ra 03 người con là Cao Thị Hồng V, Cao Xuân V và Cao Xuân T.

Su ngày giải phóng ông Cao Xuân S chuyển công tác từ TP Hải Phòng về Đ để công tác và đưa mẹ con bà Nguyễn Thị Kim O về Đ để sinh sống. Khi về Đà Nẵng thì năm 1994 ông có xin chính quyền địa phương diện tích 1.000m² đất để sản xuất các cây trồng nông sản và chăn nuôi vịt. Nhưng việc kinh dO gặp nhiều khó khăn, thua lỗ, không đạt hiệu quả và không tiếp tục kinh dO nữa.

Su thời gian này thì ông S tiếp tục quản lý sử dụng và làm nhà sinh sống cùng bà Nguyễn Thị Kim O và các con của bà O.

Năm 2007, ông S chết không để lại di chúc. Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Cao Xuân V quản lý sử dụng và coi nói cho đến thời điểm giải tòa thì diện tích đất này lên đến 1.917.8m².

Bà Hồ Thị Nh thì sống riêng cùng với ông Cao Văn H tại phường H, quận N, TP Đ. Đến năm 2011 thì phần đất trên bị thu hồi giải tỏa theo dự án Khu đô thị ven sông H – Đồng Nò.

Theo hồ sơ giải tỏa số 353, thửa đất số 12, tờ bản đồ 08, diện tích 1917,8m². Kết quả giải tỏa đền bù ông Cao Xuân S và bà Nguyễn Thị Kim O được bố trí 02 lô, bao gồm: thửa đất số 388, tờ bản đồ số 126, lô 43B-B2-22, khu tái định cư Bá Tùng (giai đoạn 1), phường H, quận N, TP Đ có giá trị là 2.370.122.300đ và thửa đất số 162, tờ bản đồ số 126, lô 43A-B2-22, khu tái định cư Bá Tùng (giai đoạn 1), phường H, quận N, TP Đ có giá trị là 2.393.823.500đ. Tổng cộng 4.763.945.800đ.

Đối với số tiền đền bù giải tỏa ông Cao Xuân V được nhận là 209.208.350đ, nhưng ông V đã nộp tiền đất và thuế trước bạ cho 02 thửa đất số 162 và 388 tổng cộng

202.440.000đ còn lại 6.768.000. Số tiền này, các bên đã thống nhất xem như chi phí cho việc đi lại để làm các thủ tục, giấy tờ.

Như vậy, di sản của ông Cao Xuân S và bà Nguyễn Thị Kim O được xác định là 02 thửa đất số 162 và 388 có trị giá là 4.763.945.800đ.

Quá trình hình thành khối tài sản này đều có công sức đóng góp của các thành viên trong gia đình mà cụ thể là ông Cao Văn H tại thời điểm sản xuất chăn nuôi và ông Cao Xuân V là người sinh sống, quản lý, coi nơi thửa đất cho đến thời điểm giải tỏa.

Do các ông H và ông V cùng có công sức đóng góp duy trì và phát triển khối tài sản này. Tuy nhiên, ông H và ông V là con trong nhà nên việc giúp cho cha mẹ là điều đương nhiên, công sức của hai người có thể nói là như nhau, không đáng kể và quá trình giải tỏa đền bù đã quy chủ tài sản này cho ông Cao Xuân S và bà Nguyễn Thị Kim O nên không xem xét công sức của từng người mà xem đó là nghĩa vụ của các con giúp đỡ cha mẹ mà thôi.

Do đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông Cao Xuân S và bà Nguyễn Thị Kim O nên về mặt pháp luật thì ông Cao Xuân S và bà Nguyễn Thị Kim O mỗi người 50% trên khối tài sản chung này, tương đương 2.381.972.000đ (làm tròn số).

Xét thấy, ông Cao Xuân S là trường hợp hoạt động cách mạng trong thời kỳ kháng chiến. Năm 1954, ông S tập kết ra Bắc. Mặc dù ở quê hương có vợ nhưng lấy thêm vợ khác là bà Nguyễn Thị Kim O và sinh ra Cao Thị Hồng V, Ông Cao Xuân V, Ông Cao Xuân T.

Căn cứ Thông tư số 60/TATC ngày 22/02/1987 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về “Hôn nhân và gia đình của cán bộ, bộ đội có vợ, có chồng trong Nam, tập kết ra Bắc lấy vợ, lấy chồng khác” thì những người vợ, con trên của ông S được pháp luật thừa nhận.

Như vậy, hàng thừa kế của ông Cao Xuân S được xác định gồm những người: Bà Hồ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Cao Văn H, bà Cao Thị Hồng V, ông Cao Xuân V và ông Cao Xuân T.

Phần di sản của ông Cao Xuân S được xác định là 2.381.972.000đ được chia cho 06 kỹ phần, mỗi kỹ phần được nhận là: 396.995.000đ.

Di sản của bà Nguyễn Thị Kim O tổng cộng là $2.381.972.000đ + 396.995.000đ = 2.778.967đ$ được chia cho 03 người con gồm bà V, ông V, ông T, mỗi kỹ phần được hưởng 926.322.000đ.

Như vậy kỹ phần của bà V, ông V, ông T mỗi người được nhận là: $926.322.000 + 396.995.000đ = 1.323.277.000đ$.

Do quá trình quản lý duy trì khối tài sản này và ông Cao Xuân V là người có nguyện vọng nhận 02 lô đất để làm nơi sinh sống và thờ tự cha mẹ nên HĐXX giao 02 lô đất trên cho ông V được quản lý sử dụng và ông V phải có nghĩa vụ bồi trả cho các đồng thừa kế cụ thể là:

Thối cho bà Hồ Thị Nh: 396.995.000đ;

Thối cho ông Cao Văn H: 396.995.000đ;

Thối cho bà Cao Thị Hồng V: 1.323.277.000đ.

Thối cho ông Cao Xuân T: 1.323.277.000đ.

Ngoài ra, theo trình bày của bà V thì phần tài sản của bà V sẽ được tặng cho ông Cao Xuân V. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà V đều vắng mặt và văn bản trình bày của bà V chưa đảm bảo tính pháp luật, nên trong vụ án này Tòa án vẫn chia phần di sản của bà V như các đồng thừa kế khác. Nếu bản án có hiệu lực pháp luật, bà V có nguyện vọng tặng cho phần tài sản của mình cho ông V thì sẽ được bà V thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có phát sinh tranh chấp thì Tòa án có thẩm quyền sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[3] Đối với chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ: Mỗi người phải chịu số tiền tương ứng với số kỷ phần mà mình được nhận và do trước đây ông H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là: 25.000.000đ. Do đó, các đồng thừa kế phải thối trả cho ông Cao Văn H, mỗi người cụ thể như Su:

Bà Nh nhận 396.995.000đ tương đương $8,333\% \times 25.000.000đ = 2.083.250đ$

Ông H nhận 396.995.000đ tương đương $8,333\% \times 25.000.000đ = 2.083.250đ$

Bà V nhận 1.323.277.000đ tương đương $27,776\% \times 25.000.000đ = 6.945.000đ$

Ông V nhận 1.323.277.000đ tương đương $27,776\% \times 25.000.000đ = 6.945.000đ$

Ông T nhận 1.323.277.000đ tương đương $27,776\% \times 25.000.000đ = 6.945.000đ$

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ trên các kỷ phần được hưởng, mỗi người phải chịu án phí như Su:

Bà V nhận 1.323.277.000đ phải chịu án phí 51.698.000đ

Ông T nhận 1.323.277.000đ phải chịu án phí 51.698.000đ.

Ông V nhận 1.323.277.000đ phải chịu án phí 51.698.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 10.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số 0001309 ngày 07/7/2022, tại Chi cục Thi hành án quận N. Buộc ông V phải còn tiếp tục nộp 41.698.000đ.

Bà Hồ Thị Nh và ông Cao Văn H đã có đơn xin xét giảm án phí và được HĐXX chấp nhận theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 612, 614, 651, 652, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: “*Tranh chia di sản thừa kế*” của ông Cao Xuân V đối với ông Cao Văn H.

Tuyên xử:

[1] Giao cho ông, Cao Xuân V được quyền quản lý sử dụng tài sản là thửa đất số 388, tờ bản đồ số 126, lô 43B-B2-22, khu tái định cư Bá Tùng (giai đoạn 1), phường H, quận N, TP Đ có giá trị là 2.370.122.300đ và thửa đất số 162, tờ bản đồ số 126, lô 43A-B2-22, khu tái định cư Bá Tùng (giai đoạn 1), phường H, quận N, TP Đ có giá trị là 2.393.823.500đ. Tổng cộng 4.763.945.800đ.

[2] Buộc ông Cao Xuân V thối trả cho những đồng thừa kế giá trị tài sản gồm:

Thối cho bà Hồ Thị Nh: 396.995.000đ;

Thối cho ông Cao Văn H: 396.995.000đ;

Thối cho bà Cao Thị Hồng V: 1.323.277.000đ;

Thối cho ông Cao Xuân T: 1.323.277.000đ.

[3] Buộc các đồng thừa kế phải có nghĩa vụ thối trả cho ông Cao Văn H, tiền chi phí tố tụng như Su:

Bà Hồ Thị Nh 2.083.250đ;

Bà Cao Thị Hồng V 6.945.000đ;

Ông Cao Xuân V 6.945.000đ;

Ông Cao Xuân T 6.945.000đ.

[4] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Bà Cao Thị Hồng V phải chịu án phí 51.698.000đ

Ông Cao Xuân T nhận phải chịu án phí 51.698.000đ.

Ông Xuân V phải chịu án phí 51.698.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 10.000.000đ tạm ứng án phí đã được nhận trước đây theo biên lai thu số 0001309 ngày 07/7/2022 tại Chi cục Thi hành án quận N. Buộc ông V phải còn tiếp tục nộp 41.698.000đ.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND QNHSơn;
- Chi cục THADS quận NHThị trấn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hoan

